

## TỪ “THENG WANG” MƯỜNG THẮC MẮC VỀ THÀNH HOÀNG VIỆT\*

Người Mường (trên đất tỉnh Hòa Bình, đặc biệt trên đất huyện Kim Bôi) cũng thờ “thành hoàng” (mà họ phát âm là “theng wang”) tại “quận” của từng làng (mà họ diễn dịch ra tiếng Việt thành “quán”, có lẽ như quán của Đạo giáo, hay đạo quán). Trong tiếng nói hàng ngày, “theng wang” chỉ một cách chung chung vị (hay các vị) được thờ tại “quận”. Đi sâu vào hơn, ta thấy có ba loại nhân vật được thờ ở đó:

1. Gian giữa “Tức Thạnh Tản Viên Pa Vi” (Đức Thánh Tản Viên Ba Vi), vị thần núi có mặt trong một huyền tích ít nhiều mang dạng truyền thống nguồn gốc, do đó nhắc nhở đến thần thoại khởi nguyên(1).

2. Gian trái “Theng wang quen lang tăt đạc” (Thành hoàng quan lang đất nước) mà mọi người Mường đều hiểu là những tổ tiên xưa của dòng “lang” địa phương (dòng quý tộc cha truyền con nối trị vì địa phương). Đi sâu hơn một tí nữa, ta thấy các tổ

tiên ấy được mọi người Mường gán cho công lao từng đưa người đến và bỏ của ra để khai phá đất đai, lập nên “mường” (mường)(2), nên “quê” (làng).

3. Gian phả: “Chị pợi tâm, pạ pợi na” (Bác đào đằm, bá đào ruộng), tức những người bình dân xưa kia đã theo “lang” đến địa phương và trực tiếp bỏ sức ra khai phá đất đai(3).

Mấy điều tôi thấy được:

1. Mặc dầu địa bàn Mường trước đây bị phân ra thành nhiều “mường”, các “mường” đều độc lập lẫn nhau về mặt quản lý con người và đất đai(4), tộc người Mường đã có một thần điện thống nhất (ít nhất cũng trên đất tỉnh Hòa Bình cũ, đặc biệt trên đất huyện Kim Bôi).

Đã là thần điện, tất nhiên có *nhiều nhân vật* được thờ chung, các vị lại được phân một cách có ý thức thành *nhiều loại*, với vị trí cao thấp khác nhau (tùy từng gian thờ).

2. Chỉ có loại thứ 2 (tổ tiên dòng “lang” địa phương) mới đích thực mang danh hiệu “thành hoàng” (theng wang). Mặc dầu vậy, “thành hoàng” vẫn là một danh hiệu tập thể không phải danh hiệu cá thể, bởi lẽ:

a) Nó chỉ các tổ tiên xa xưa của dòng “lang” địa phương không nhất thiết được dành riêng cho mỗi một ông tổ đầu(4).

b) Như đã nói trên, trong ngôn ngữ hàng ngày, nó nhiều khi lại được người Mường dùng để chỉ chung các vị được thờ tại “quán”(5).

3. Dù sao, nội một việc danh hiệu vốn dành riêng cho loại thứ hai, trong các loại nhân vật được thờ, lại bước đầu trở thành danh hiệu chung của cả thần điện, nghĩa là đã bước đầu lấn át danh hiệu của nhân vật đứng đầu thần điện, cũng là một dấu

hiệu đáng lưu ý:

Phải chăng có thể đọc lên từ đây vai trò chi phối của chế độ các “*lang*” Mường trên đất Hòa Bình(6)? Hay ngược lại, cũng chính vì vai trò ấy, mà, “*thành hoàng*” xưa kia có thể là một khái niệm chỉ chung các nhân vật trong thần điện, đến một thời nào đó, đã bước đầu tập trung vào một loại nhân vật thôi, loại có liên quan đến tầng lớp trị vì xã hội.

4. Ba loại không chỉ khác nhau về vị trí cao thấp trên thang tôn ti của thần điện, mà còn khác nhau về bản chất của từng loại. “Đức thánh Tản Viên Ba Vì” đã phảng phất chất thần thoại, và có lẽ do đó mà đứng đầu thần điện; còn các nhân vật thuộc hai loại sau chỉ là tổ tiên của con người (nói theo lối của người Việt, thì đây là “*nhân thần*”), ngay trong hai loại sau, các vị, tuy đều là “*nhân thần*” cả, nhưng lại tách biệt nhau về mặt đẳng cấp xã hội: loại 2 là tổ tiên của quý tộc; loại 3 là tổ tiên của bình dân. Tuy nhiên, mặc những khác biệt trên, cả ba đều gặp nhau ít nhất cũng ở hai khía:

a) Cả ba đều dính dáng đến *nguồn gốc của cộng đồng* làng; họ là nhân vật chính của một huyền tích mang chất truyền thuyết nguồn gốc, hoặc là tổ tiên của những người thờ phụng họ, quý tộc và bình dân.

b) Cả ba đều hộ trì cho dân làng, đặc biệt về mặt sản xuất nông nghiệp, vì “*quán*”, nơi cả ba được thờ, là điểm tế tự được chủ yếu dành cho các *nghi lễ nông nghiệp* tập thể của làng.

Từ những nhận xét bước đầu trên đây về “*theng wang*” Mường, biết tự hỏi gì về thành hoàng Việt, nhất là khi chưa có dưới mắt ít nhiều tài liệu có đầu có đũa về nhân vật này.

Hãy thử liếc vào một trường hợp cực hạn, mà vẫn ở trên biên (trên biên của địa bàn Việt ở Bắc Bộ, được xem là trung

tâm): những vị thần được thờ tại đình làng La Chũ, trên đất Thừa Thiên cũ. Sau hai cuộc kháng chiến, thần phả và các sắc phong, vốn gắn với đình, không còn nữa, văn bản duy nhất sót lại đến nay là một lá số, nhân một lần tế ở đình cách đây đã lâu năm (hiện ở trong tay một ông sư già có Hán học, người đã giúp làng thảo nó ra).

Qua mấy ngày thăm dò La Chũ về một vấn đề không dính dáng gì về đình và thành hoàng ở đấy (vấn đề ruộng đất) chỉ tranh thủ lọc từ lá số ra danh hiệu các vị thần và trao đổi vài câu với người đã thảo ra văn bản, tôi không nhận xét được điều gì gọi là có chút cơ sở. Chỉ ghi lại sau đây mấy sơ cảm quanh bóng dáng các vị thần có tên trên lá số.

1. Số lượng lớn: 22 vị cả thầy.

2. *Tiểu sử mơ hồ*: về mặt này, ngay ông sư đã thảo ra lá số cũng hoàn toàn không nắm được gì cả (trừ mỗi một trường hợp)(7), người già trong làng cũng thế.

3. *Diện mạo chung chung*: nếu căn cứ vào danh hiệu của từng vị mà phỏng đoán, thì chỉ thấy:

a) Hoặc những mỹ từ không mang hàm nghĩa cụ thể(8).

b) Hoặc những biểu hiện của thiên nhiên (núi, nước, động vật...) không có khuôn mặt cá thể (hay nói cho đúng hơn, chưa được cá thể hoá)(8);

4. *Hệ thống lỏng lẻo*: Một lần nữa, ông sư chịu cứng không dám nói cho thực đích xác vị nào “lớn” nhất trong 22 vị, hay vị nào mới đích thực là thành hoàng làng, người già khác cũng vậy. Nói cho cùng, khái niệm thành hoàng ở đây thực tối nghĩa và điều đó càng nói lên tính lỏng lẻo của hệ thống thần linh.

5. *Nguồn gốc bác tạp*: Đa số các vị thần được thờ tại đình

đều có mỗi vị một am hay miếu riêng, hoặc tại xóm này hoặc tại xóm kia trong làng.

Thử nghiệm thăm hỏi thoáng qua về các vị thần được thờ tại đình La Chũ, tôi đã thử lập lại tại 2 làng khác cũng ở Thừa Thiên cũ (một làng đồng và một làng biển). Kết quả không khác là bao, so với những điều vừa ghi nhận trên.

Những điều ấy, xin nhắc lại, chỉ là những sơ cảm trên điền dã, nghĩa là chưa được nâng đỡ bằng một nền tảng chứng cụ thể. Thực ra nếu thần phả và các sắc phong còn đó, nếu có thì giờ đi sâu vào cách phân bố các điện thờ trên các mặt bằng của đình, cũng như lịch và cách tế lễ tại đình theo chu kỳ năm, nhất là có thì giờ thăm hỏi người già nhiều và lâu hơn, biết đâu những gì thu hoạch được lại chẳng khác các sơ cảm buổi đầu.

Dù sao từ những sơ cảm ấy mà suy nghĩ thêm, trong mối quy chiếu vào những điều đã biết được về “quán” Muồng và những nhân vật được thờ tại đấy, cả trong mối quy chiếu vào những kiến thức lẻ tẻ và cảm tính mà mọi người sống ở miền Bắc đều có về thành hoàng Bắc và hội làng Bắc, tôi vẫn giữ đến hôm nay mối nghi ngờ dai dẳng về các vị thần ở đình La Chũ: các vị hình như “mới” được bước đầu tập hợp lại đấy thôi, chưa thực sự được ràng buộc vào nhau thành một cơ cấu rõ nét, ví như bằng một hệ thống tôn ti dứt khoát, mỗi vị chưa được tô rõ diện mạo bằng một tiểu sử thêm sau, tóm lại, *chưa thành thần điện hoàn chỉnh*. “Mới” chỉ là một cách nói: ở đây, tất nhiên, có hiện tượng đóng băng, hiện tượng hóa thạch thường thấy ở trên biên.

Cảm giác trên lời theo một câu hỏi: Nếu quả thế thì *tại sao?* Tại chính sách riêng biệt của các chúa Nguyễn và của triều Nguyễn, so với chính sách của Lê- Trịnh, đối với sinh hoạt tinh thần làng mạc? Hay tại cơ cấu có phần khác biệt của làng- xã ở

Đàng Trong so với Đàng Ngoài? Hoặc giả do vai trò lớn hơn của Đạo Phật ở nông thôn Đàng Trong?...

Cuối cùng, nếu cứ đặt những cảm giác còn mơ hồ trước thành hoàng La Chũ cạnh những nhận xét có cơ sở hơn về “theng wang” Mường, thì cũng thấy là có mẫu số chung nào đó giữa hai hệ thần linh:

a) *Số lượng lớn*: một hệ gồm 22 vị; hệ kia 3 loại.

b) *Nguồn gốc bác tạp*: một bên, từng vị có am hay miếu riêng, bên kia các loại phô ra những bản chất khác nhau;

c) *Sự tập hợp thành hệ thống*: tuy với mức độ khác nhau một bên, có lẽ chưa thành thần điện hẳn hoi; bên kia, rõ ràng đã thành thần điện, với thang tôn ti thấy được.

Ra đi từ hai trường hợp trên biên, cũng là để đặt một vài câu hỏi về thành hoàng Việt ở trung tâm, trên địa bàn Việt ở miền Bắc. Những câu hỏi ấy, sẽ góp phần khoanh khái niệm thành hoàng lại, qua đó mong rọi được tia sáng nào chẳng vào hội làng, câu chuyện được đem ra bàn hôm nay ở đây.

Tất nhiên, khoanh khái niệm thành hoàng lại, trước hết, là khoanh trên thực địa, qua thăm hỏi điền dã, dù chỉ là thăm hỏi hồi cố. Và bởi vì, ngay từ giờ, ta đã biết rằng hệ thống thần được thờ tại đình Việt ở Bắc Bộ biến động từ làng này qua làng kia, dù cùng huyện, cùng tổng chứ không thống nhất như “theng wang” ở “quán” Mường (ít nhất cũng trên đất Hòa Bình cũ, đặc biệt ở Kim Bôi), cho nên không thể chỉ thăm hỏi tại một điểm thôi, mà phải đến nhiều điểm thuộc những vùng khác nhau (vùng trung du, vùng bên trên mũi nhọn tam giác châu, xứ Đoài cũ, vùng bên dưới mũi nhọn, xứ Đông cũ)...

Dù sao, chính để chuẩn bị cho các cuộc thăm hỏi như thế

mà chúng ta, những người đi điền dã, cần tự vấn trước về các lỗ hổng trong hiểu biết sẵn có của mình quanh khái niệm thành hoàng. Theo tôi có thể đặt ra những câu hỏi xung quanh một số trọng điểm có liên quan đến các lỗ hổng ở trên. Đi vào nội dung của từng trọng điểm vô hình chung là tạo cơ sở cho các câu hỏi cụ thể, mà từng người đi điền dã sẽ đặt ra trên thực địa, khi đã nắm qua tình hình của điểm mình đến thăm hỏi.

### **1. Khái niệm thành hoàng và hệ thống thần được thờ tại đình**

Vấn đề chưa phải là đi vào vấn đề gốc gác Trung Hoa của khái niệm thành hoàng mà là bước đầu thử khoanh nó lại theo quan niệm của người địa phương (những người từng trực tiếp vận dụng khái niệm ấy qua nhiều đời và trong khuôn khổ một nền văn hoá tộc người nhất định).

Quanh chuyện này, điều tối thiểu hiện biết được là các đình Bắc không thờ mỗi đình một vị thần, và chỉ một thôi, mà thờ nhiều vị. “Thờ” nói đây là kể cả thờ vọng; trong trường hợp một số vị có am hiểu; hay đền riêng (như ở La Chũ), và, tất nhiên, bao gồm cả việc tế lễ lớn, mỗi khi làng mở hội.

Để giải quyết vấn đề, việc phải làm trên thực địa là, *lên danh sách* các vị thần được thờ tại đình, tức ghi *danh hiệu* của các vị, mà ghi theo một *trật tự* được thừa nhận từ lâu đời. May mắn nhất là được gặp một văn bản xưa mang các danh hiệu theo trật tự vừa nói (như lá số ở La Chũ): hoặc bắt gặp trong hồ sơ Hán- Nôm nào đó (của Viện Thông tin, Sở Văn hoá tỉnh, hay phòng Văn hoá huyện...); hoặc bắt gặp tại chỗ, trên thực địa. Chính vì thế, khi chọn điểm nên chọn những nơi nào mà các văn bản về thành hoàng đã được lưu trữ sẵn trong những hồ sơ tư liệu ta với tay đến được. Còn trong trường hợp ngược lại; thì chỉ

còn cách dựa vào ký ức của người già trong làng, không chỉ về các danh hiệu, mà cả về trật tự của các danh hiệu (qua thăm hỏi và xác định xem, theo quan niệm tương đối thống nhất và tự nhiên của các cụ, vị nào “lớn” hơn, hay “cao” hơn vị nào).

Từ những gì thu hoạch được, còn phải đánh dấu *nơi thờ dành cho từng vị* trên mặt bằng của ngôi đình: trong kiến trúc có biến động ít nhiều của ngôi đình Việt (thường là đình Nguyễn), các nơi thờ khác nhau ấy nói lên những vị trí cao thấp khác nhau trên thang tôn ti của thần điện. Và cũng chính vì thế, khi chọn điểm, nên chọn những nơi nào còn giữ được ngôi đình (dù đã bị biến thành trụ sở hay kho thóc) và song song với những thăm hỏi buổi đầu lên sơ đồ mặt bằng ngôi đình. Với tên chuyên môn chỉ từng phần của kiến trúc.

Sau nữa bởi vì những hiểu biết có sẵn, tuy còn ít ỏi và lẻ tẻ vẫn cho phép ngờ rằng thành hoàng, ít nhất cũng trong thời Nguyễn, là một khái niệm dân gian hơn là khái niệm chính thức của bộ Lễ (do đó ít có khả năng xuất hiện trong các văn bản đã nói đến), cho nên cần phải căn cứ trên danh sách và trật tự đã biết được mà giải quyết, qua thăm hỏi, một thắc mắc đối với tôi là lớn: trong các vị có tên trên danh sách, *vị nào là thành hoàng và vị nào là không phải?* “Lớn”, vì có thể mới mong bước đầu phân được những loại khác nhau, nếu có, trong các vị thần được thờ tại đình. “Lớn” còn vì, qua kết quả phân loại bước đầu vừa nói, sẽ thoáng thấy nội dung (hay những nội dung khác nhau) của khái niệm thành hoàng, từ đó mà chuẩn bị những câu hỏi cụ thể hơn để đi sâu hơn vào khái niệm.

Tất nhiên, để thấy cho được (hay phân tích cho ra) nội dung tương đối đầy đủ của hai chữ thành hoàng, còn phải làm việc quanh một số trọng tâm khác.



## 2. Hai (hay các vị) “thần chính”

Đặt thần chính vào ngoặc kép, vì đây không phải là khái niệm sẵn có trong mắt nhìn và lời ăn tiếng nói của dân làng, mà chỉ là một cách xếp tạm, khi chưa phân định cho thực đích xác những loại thần khác nhau được thờ tại đình. Dù sao, điều đã thấy rõ từ lâu là: khi được hỏi về thành hoàng làng mình, hay vị thần hộ trì làng mình, người nông dân Việt ở Bắc Bộ thường có thói quen nêu danh hiệu của một vị thôi (ví như “vua Chủ”, tức Thục An Dương Vương), hay của một bộ gồm số ít vị được gắn chặt vào nhau trong một tích truyện chung, (như “Hai Bà” tức TrưngTrắc, Trưng Nhị; hay “ông Cụt, ông Dài” mà người ta thường đồng nhất với hai anh em Trương Hống, Trương Hát). Rõ ràng, đây là vị (hay những vị) chiếm vị trí cao nhất trong thần điện, mà ta tạm gọi một cách chung chung là “thần chính”.

Điều đã biết, mà biết một cách chắc chắn: “Thần chính” là nhân vật chính thức của thần điện, được triều đình công nhận (sắc phong), có tiểu sử chính thức do Bộ Lễ soạn thảo (thần phả), có thể được vua này, triều vua kia nâng “phẩm trật” cho (nâng từ hạ đẳng thần lên trung đẳng thần, hoặc ban thêm mỹ tự vào danh hiệu). Chính vì thế, trước khi đến điểm khảo sát, cần truy vấn các văn bản có liên quan vừa nêu, và, ngay trên thực địa, cũng lưu ý tìm thêm, qua đó, mà khoanh lại khuôn mặt chính thức của “thần chính”.

Tuy nhiên, đâu phải chỉ qua vài văn bản thế thôi mà khuôn mặt chính thức kia đã hiện rõ. Ở mức hiểu biết hiện nay, còn bao thắc mắc đang chờ được giải đáp. Mà giải đáp cả bằng văn bản lẫn thăm hỏi trên thực địa. Một vài ví dụ:

a) Trong trường hợp “Thần chính” không chỉ mỗi một vị, mà là cả một bộ gồm 2, 3 vị, có phải vị nào cũng có khuôn mặt

riêng (danh hiệu riêng, thần phả riêng, “phẩm trật” riêng) trong một tích truyện chung? Hay là họ chung nhau một diện mạo, với mỗi vị một nét riêng nào đó (chung thần phả, “phẩm trật”, tuy khác nhau về danh hiệu, chẳng hạn). Tại nơi thờ chung trong đình, mỗi vị chiếm một vị trí riêng hay không (dù từng vị trí chỉ được đánh dấu bằng một vật thờ nhỏ, như một bát hương riêng)? Trong diễn biến của nghi lễ tại đình, qua mọi dịp cúng thường và tế lớn trong chu kỳ năm, có những chi tiết lễ thức nào được dành riêng cho từng vị không (dù chỉ là một thẻ hương, hay một lời khấn riêng)?

b) Cũng những thắc mắc như trên, đối với các vị giữ vai trò (hay chức vị) thấp hơn, trong khuôn khổ tích truyện chung (ví như từng bộ tướng của “Hai Bà”);

c) Có trường hợp nào “thần chính” lại bao gồm nhiều vị vốn không liên quan gì đến nhau, đặc biệt không cùng đứng trong một tích truyện chung (những tướng lĩnh hay công thần thuộc các thời khác nhau, chẳng hạn)? Nếu có, phải chăng đó là hậu quả của hiện tượng nhiều thần điện làng hội nhập lại thành thần điện chung, khi nhiều làng được ghép lại thành xã (“nhất xã, nhị thôn”, hay “tam thôn”, “tứ thôn”...)? Trong trường hợp đó, đứng đầu thần điện chung phải chăng là “thần chính” của làng vốn có uy thế nhất trong số các làng được hội nhập, hay là vị mà tiểu sử phô ra nhiều công tích nhất!... Và, tất nhiên những thắc mắc vừa được đề ra qua các phần nhỏ áp sát trên vẫn có giá trị trong phần nhỏ này;

d) “Thần chính” mà bao gồm nhiều vị (dù cùng đứng hay không trong một tích truyện chung) thì, một lần nữa, *vị nào là thành hoàng vị nào không phải?* và, trong trường hợp không phải, *tại sao?* Thành hoàng như ta đã sơ đoán là một khái niệm thấm đậm dân gian, phải chăng dân từng làng, trong số các làng

được hội nhập, cố giữ riêng danh hiệu ấy cho “thần chính” vốn của riêng làng mình? Hay đây, chỉ là (hoặc đã trở thành) một khái niệm rất chung, không đặc chỉ một cá thể thần linh nào cả?

e) “Thần chính” là thần chính thức, có thể đã chính thức ngay từ đầu (do triều đình phong về mà trở thành thần của làng) nhưng, trong nhiều trường hợp chỉ là được chính thức hóa (vốn được dân làng thờ từ xưa rồi được triều đình công nhận và phong bằng sắc sau). Cho nên, bên cạnh một khuôn mặt chính thức (do thần phả tạo dựng), mỗi vị lại phô ra một khuôn mặt dân gian hơn (do truyền thuyết địa phương chuyển tải): các trường hợp “Vua Hùng” và “Hai Bà” ở Vĩnh Phú, hay “Vua Chủ” ở Cổ Loa... đều chứng tỏ điều đó. Hai khuôn mặt tất giống nhau nhiều, có lẽ vì cố mang theo một mẫu hình chung và tích truyện, nhưng không khỏi chứa những chi tiết khác nhau, do đó có khả năng toát ra hai tinh thần khác biệt (tinh thần mà triều đình muốn truyền đạt, và tinh thần dân dã). Cái thứ nhất rõ ràng được lọc ra từ thần phả (và các văn bản khác). Còn cái thứ hai thuộc lĩnh vực điền dã; thu qua các truyền thuyết địa phương có liên quan đến “thần chính”.

### **3. Các vị thần phụ**

Kinh nghiệm lẻ tẻ cho thấy trước rằng thần điện của đình làng không chỉ được dành riêng cho “thần chính”. Nó còn dùng cả những nhân vật mà khuôn mặt không nổi rõ bằng, và lý lịch mơ hồ hơn, mà, ở đây, ta tạm gọi là “thần phụ”. Theo sơ cảm của tôi, các vị cũng bác tạp lắm: thường có nơi thờ riêng ở xóm này hay xóm kia trên đất làng, và có thể bao gồm nhiều loại khác nhau. Tôi bước đầu thấy được hai loại:

a) Những vị được rải rác thờ tại nhiều nơi, có thể có danh hiệu riêng, thường là những lực lượng thiên nhiên: “Cao Sơn” (rõ

ràng là thần núi); “Càn Xá” (có thể là thần nước), “ông Cụt - ông Dài” (hai con rắn)...

b) Những vị thần của riêng một làng, thường không có danh hiệu: một người ăn xin chết trên đất làng vào giờ thiêng, người chết đuối vào giờ thiêng, người mang thai chết vào giờ thiêng, kẻ trộm bị dân làng đánh chết vào giờ thiêng, thần gắp phân (có cái gỗ sơn son ở nơi thờ trong đình), dân thần (có góp phân chăng vào vị trí của “nỗ- nường” trong nghi lễ tại một số đình?..).

Về các “thần phụ”, những thắc mắc đã nêu trên quanh “thần chính” hẳn vẫn giữ nguyên giá trị, từ danh hiệu (vị nào có, vị nào không?), tiểu sử (qua truyền thuyết dân gian), rồi thì sự có mặt trên thần phả cũng như các văn bản khác có liên quan (vị nào có mặt, vị nào không, có thì ở vị trí thứ mấy trong trật tự kê danh?), nơi thờ trên mặt bằng của ngôi đình (cùng những vật thờ và chi tiết lễ thức nhằm vào từng vị, hay một số vị, thậm chí tất cả các vị...).

Một số thắc mắc lẻ tẻ tập hợp lại quanh vài trọng điểm thấy được chỉ là những gợi ý cho người đi tìm khuôn mặt thực của thành hoàng, tìm trước hết trên thực địa. Được giải đáp bằng văn bản và chủ yếu bằng sự kiện, chúng sẽ cung cấp cho người đi tìm những nét cụ thể hơn, đậm đà hơn, cả mới hơn, trên một khuôn mặt của thành hoàng, đồng thời có thể cải chính một số định kiến cũ.

Nhưng các lời giải riêng rẽ, dù đã được bước đầu xếp lại quanh một số trọng điểm, vẫn chưa vẽ lên nổi một bức chân dung tổng hợp về thành hoàng. Đấy mới là những ký họa để dựng chân dung, người vẽ còn phải lọc từ những ký họa ra những nét dưới mắt anh là điển hình về người mẫu của mình rồi sắp

xếp chúng vào một bố cục chung đứng được. Ở đây, là một cơ cấu hợp lý, vận hành được. Nói một cách khác, còn phải sơ kết các lời giải riêng rẽ.

Sơ kết là việc bàn giấy. Thường là thế. Ở đây, cũng thế. Điều lý thú là, ít nhất cũng quanh đề tài thành hoàng Việt ở Bắc Bộ, cuộc sống sinh động của làng- xã cổ truyền đã chuẩn bị sẵn một đề cương cho bản sơ kết mà ta hướng đến. Đó là hội làng. Thực ra, thành hoàng đã được bước đầu sơ kết qua thần điện; mà người đi điền dã đã có thể quan sát ở đình (dù chỉ là quan sát hồi cổ). Nhưng bản đề cương ấy quá *tinh*: danh hiệu của từng vị thần được thờ tại đình (dù thỉnh thoảng được gia thêm mỹ tự), vị trí của từng vị trên thang tôn ti của thần điện, tiểu sử tương đối cố định hóa của từng vị (qua thần phả của bộ Lễ, hay tí gì còn đóng băng ở truyền thuyết dân gian xưa)..., tất cả những nét rời ấy dù được tập hợp lại trong một khung chung, vẫn còn bất động, chưa bắt đầu chuyển động, vì bản thân cái khung cũng bất động. Là nơi gửi gắm những hoài vọng và cả những ả ức âm thầm của dân làng- xã qua bao đời, dung mạo của các vị chỉ bắt đầu chuyển động, bắt đầu sống, mỗi khi dân làng- xã tập hợp lại để giao cảm với các vị, và qua các vị mà giao cảm với nhau, dưới sự nóng lên của các hoài vọng và ả ức chung. Mà cao điểm đầu kỳ của các cuộc tập hợp ấy chính là hội làng. Và hội làng là bản đề cương *động* nhất để sơ kết khuôn mặt của thành hoàng.

Như vậy, người đi tìm khuôn mặt của thành hoàng không thể không tìm cả trong hội làng. Cũng như chúng ta ở đây, những người “chơi” hội làng, không thể không dừng chân chiêm ngưỡng dung mạo của ngài.

Hà Nội ngày 7-1-1986